

CTY TNHH MTV KHAI THIÁC CTTL ĐẮK NÔNG
CHI NHÁNH HUYỆN ĐẮK MIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP LỊCH THỜI VỤ, KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC VÀ PHƯƠNG ÁN CHỐNG HẠN VỤ ĐÔNG XUÂN 2017-2018
CHI NHÁNH: HUYỆN ĐẮK MIL

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy dự kiến (từ ngày 10/01/2018 đến ngày 24/02/2018)		Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày	Thời gian thu hoạch dự kiến	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành, điều tiết cấp nước				Phương án chống hạn	Ghi chú
				Bắc mạ	Cấy			% Dung tích	đến ngày	Tháng 01/2018	Tháng 02/2018	Tháng 3/2018	Tháng 4/2018		
1	CTTL ĐẮK SẮK, bon Jun Juh, xã Đức Minh							100							
	Khu tưới: xã Đức Minh, xã ĐẮK SẮK														
	Lúa	248.27	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	757.52					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
2	CTTL Thọ Hoàng, xã ĐẮK SẮK														
	Khu tưới: xã ĐẮK SẮK, Đức Mạnh														
	Lúa	29.42	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	92.93					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
3	CTTL Thái Bá Long, xã Đức Minh														
	Khu tưới: Đức Minh, Đức Mạnh														
	Lúa	54.67	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	116.64					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
4	CTTL Núi Lửa, Thôn Thuận Hạnh, xã Thuận An							100							
	Lúa	36.45	115	01/01/18-10/01/18	21/01/18-05/02/18		15/4/18-30/4/18		30/4/2018	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27		
	Cây CN dài ngày	185.76					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	14/01/18-20/01/18	04/02/18-10/02/18	25/02/18-03/3/18			
5	CTTL Sa Pa Bon Sa Pa, xã Thuận An							100							

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy dự kiến (từ ngày 10/01/2018 đến ngày 24/02/2018)		Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày	Thời gian thu hoạch dự kiến	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành, điều tiết cấp nước				Phương án chống hạn	Ghi chú
				Bắc mạ	Cấy			% Dung tích	đến ngày	Tháng 01/2018	Tháng 02/2018	Tháng 3/2018	Tháng 4/2018		
	Cây CN dài ngày	19.05		01/01/18-10/01/18	21/01/18-05/02/18		15/4/18-30/4/18		30/4/2018	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27		
6	CTTL Bu Đắc, Bon Bu Đắc, xã Thuận An						15/11/18-25/12/18	100	30/4/2018	14/01/18-20/01/18	04/02/18-10/02/18	25/02/18-03/3/18			
	Lúa	8.78	115	01/01/18-10/01/18	21/01/18-05/02/18		15/4/18-30/4/18		30/4/2018	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27		
	Cây CN dài ngày	28.51					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	14/01/18-20/01/18	04/02/18-10/02/18	25/02/18-03/3/18			
7	Hò Nông trường Thuận An, thôn Thuận Bắc, xã Thuận An							100							
	Cây CN dài ngày	104.58					15/11/18-25/12/18		30/4/2018						
8	CTTL Yok Lom, thôn Thuận Nam, xã Thuận An							100							
	Cây CN dài ngày	192.43					15/11/18-25/12/18		30/4/2018						
9	CTTL Đắc Puer, thôn Thuận Hạnh, xã Thuận An							100						Bơm dung tích chết hồ	
	Lúa	15.62	115	01/01/18-10/01/18	21/01/18-05/02/18		15/4/18-30/4/18		30/4/2018	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27	1-7; 10-17; 20-27		
	Cây CN dài ngày	166.28					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	14/01/18-20/01/18	04/02/18-10/02/18	25/02/18-03/3/18			
10	Hò Lâm trường Thuận An, thôn Thuận Nam, xã Thuận An							100							
	Cây CN dài ngày	157.78					15/11/18-25/12/18		10/4/2018	14/01/18-20/01/18	04/02/18-10/02/18	25/02/18-03/3/18			
11	CTTL Đắc R'La, Bon Đắc RLa, xã Đắc NĐrót							100							
	Cây CN dài ngày	180.45					10/11/18-25/12/18		30/3/2018						
12	CTTL Đắc NĐrót, Thôn 9, xã Đắc NĐrót							100							
	Cây CN dài ngày	242.9					10/11/18-25/12/18		30/3/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/3/18 - 12/3/18			
13	CTTL Đắc Guôn, Bon Đắc Me, xã Đắc NĐrót							100							

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy dự kiến (từ ngày 10/01/2018 đến ngày 24/02/2018)		Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày	Thời gian thu hoạch dự kiến	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành, điều tiết cấp nước				Phương án chống hạn	Ghi chú
				Bắc mạ	Cấy			% Dung tích	đến ngày	Tháng 01/2018	Tháng 02/2018	Tháng 3/2018	Tháng 4/2018		
	Cây CN dài ngày	243.83					10/11/18-25/12/18		30/3/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/3/18-12/3/18			
14	CTTL Đắk Sor, Thôn Tân Sơn, xã Long Sơn														
	Lúa	30.8	110-120	20/02/18-28/02/18	10/03/18-20/03/18		15/5/18-25/5/18		10/5/2018		2-9; 12-19; 22-29	2-9; 12-19; 22-29	2-9; 12-19; 22-29	3-12; 15-22	
	Cây CN dài ngày	183.2					01/11/18-25/12/18		30/4/2018		01/02/18-28/02/18	10/03/18-20/03/18			
15	CTTL Đắk Loau, Thôn 5, xã Đắk Lao														
	Cây CN dài ngày	83.49					01/11-30/12/18		20/2/2018						
16	CTTL Đắk Ken, Khối 16, Thị trấn Đắk Mil														
	Cây CN dài ngày	63.53					01/11-30/12/18		20/2/2018	15/01/18-21/01/18	05/02/18-11/02/18	25/3/18-31/3/18		Bơm chuyển tiếp	
17	CTTL Đắk Sai, Thôn 13, xã Đắk Lao														
	Cây CN dài ngày	87.34					01/11-30/12/18		20/3/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
18	CTTL Đắk Mбай, Thôn 9b, xã Đắk Lao														
	Cây CN dài ngày	85.92					01/11-30/12/18		20/3/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
19	CTTL : Đô Ry II, Thôn 5, xã Đắk Rlă														
	Cây CN dài ngày	243.83					01/11-30/12/18		10/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
20	CTTL : Đô Ry I, Thôn 3, xã Đắk Rlă														
	Cây CN dài ngày	72.1					01/11-30/12/18	100	30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
21	CTTL : Đắk Láp, thôn Tân Lập, xã Đắk Gă														
	Cây CN dài ngày	76.39					01/11-30/12/18		30/3/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
22	CTTL : Lâm trường Đắk Gă, thôn Sơn Trung, xã Đắk Gă														
	Cây CN dài ngày	58.96					01/11-30/12/18		20/2/2018						
23	CTTL : Vạn Xuân, Khối 6, Thị trấn Đắk Mil														
								70							

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy dự kiến (từ ngày 10/01/2018 đến ngày 24/02/2018)		Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày	Thời gian thu hoạch dự kiến	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành, điều tiết cấp nước				Phương án chống hạn	Ghi chú
				Bắc mạ	Cấy			% Dung tích	đến ngày	Tháng 01/2018	Tháng 02/2018	Tháng 3/2018	Tháng 4/2018		
	Cây CN dài ngày	20.05					01/11-30/12/18		10/3/2018						
24	CTTL Mạnh Tiến, thôn Đức Lợi, xã Đức Mạnh							100							
	Cây CN dài ngày	49.37					01/11-30/12/18		30/3/2018						
25	CTTL E29, thôn Đắk Sôr, xã Đắk Sắk							100							
	Lúa	28.76	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	332.18					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
26	CTTL : Jun Juh, thôn Thanh Hà, xã Đức Minh							100							
	Lúa	20.65	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	31.56					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
27	CTTL Đắk Guôn Thượng, Bon Bu Đắk, xã Thuận An							100							
	Lúa	23.34	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	143.09					15/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
28	Hồ Ông Truyền, thôn Minh Đoài, xã Đức Minh							100							
	Cây CN dài ngày	34.88					01/11-30/12/18		30/3/2018						
29	Hồ Ông Hiền, thôn Mỹ Yên, xã Đức Minh							100							
	Lúa	6.43	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18 - 24/02/18		25/4/18-07/05/18		10/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	52.94					15/11/18-25/12/18		30/3/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18 - 17/02/18	05/03/18-12/03/18			
30	Hồ Đội 2, Thôn Thuận Hòa, xã Thuận An							100							
	Cây CN dài ngày	122.42					01/11-30/12/18		15/4/2018						
31	CTTL Hồ Thác Hôn, thôn Đức Bình, xã Đức Mạnh							100							

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy dự kiến (từ ngày 10/01/2018 đến ngày 24/02/2018)		Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày	Thời gian thu hoạch dự kiến	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành, điều tiết cấp nước				Phương án chống hạn	Ghi chú
				Bắc mạ	Cấy			% Dung tích	đến ngày	Tháng 01/2018	Tháng 02/2018	Tháng 3/2018	Tháng 4/2018		
	Cây CN dài ngày	156.3					01/11-30/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
32	Hồ Tây, Khối 8, thị trấn Đức Minh							100							
	Lúa	15.19	115	10/01/18-20/01/18	04/02/18-24/02/18		25/4/18-07/05/18		30/4/2018	1-10; 13-20; 22-30	2-10; 12-20; 22-28	3-10; 13-20; 22-31	3-10; 13-20; 22-30		
	Cây CN dài ngày	316.85					10/11/18-25/12/18		30/4/2018	20/01/18-27/01/18	10/02/18-17/02/18	05/03/18-12/03/18			
33	Hồ Đội 1, thôn 1, xã Đắk Lao							100							
	Cây CN dài ngày	129.81					01/11-30/12/18		30/4/2018						
34	Hồ 35, Thôn 13, xã Đắk Lao							100							
	Cây CN dài ngày	59.24					01/11-30/12/18		30/3/2018						
35	Hồ 40, thôn 12, xã Đắk Lao							100							
	Cây CN dài ngày	69.89					01/11-30/12/18		30/3/2018						
36	Trạm bơm Đắk Mil														
	Cây CN dài ngày						01/11-30/12/18		30/3/2018						

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ung Xuân Lượng